TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TRẢNG BÀNG** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2023/HNGĐ-ST
Ngày 29-5-2023
V/v "Ly hôn tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị An.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Ái Hoà
2. Ông Nguyễn Xuân Tươi

- **Thư ký phiên tòa**: Ông Trần Thế Sự - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng tham gia phiên tòa**: Ông Nguyễn Văn Thướng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 138/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2022 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Phạm Thị C, sinh năm: 1972, (có đơn xin vắng mặt);
- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm: 1973, (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp L, xã H, thị xã T, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 11-02-2022 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Phạm Thị C trình bày:

- *Về hôn nhân*: Chị và anh Nguyễn Văn N tự nguyện tổ chức lễ cưới với nhau vào năm 1990, có đăng ký kết hôn tại xã H, huyện T (nay là thị xã T), cưới xong vợ chồng đi làm thuê được 01 năm, về bên chồng xin đất của bà dì cất nhà ở cho đến nay. Vợ chồng sống đến năm 2005 xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh N khó khăn, còn quan hệ tình cảm với nhiều người phụ nữ khác, vợ chồng làm mướn chị đưa tiền cho anh quản lý, anh lấy cho người khác, còn uống rượu về kiếm chuyện chửi mắn đánh đập chị bị thương tích trên người, anh còn lôi chị xuống kênh tiêu trước nhà nhận chìm chị 03 lần sắp chết, chị phải vùng vẫy mới chạy thoát được, cuộc sống không hạnh phúc, do các con còn nhỏ nên chị chịu đựng để sống làm nuôi con. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2019. Nay vợ chồng không còn

tình cảm với nhau, chị không thể chịu đựng được nữa nên xin ly hôn với anh N.

- Về con chung: có 03 cháu Nguyễn Tấn L, sinh ngày 05-10-1991, Nguyễn Tấn Đ, sinh ngày 12-3-1992 và Nguyễn Tấn P, sinh ngày 28-11-2005, hiện cháu L, cháu Đ đã trưởng thành tự lao động sinh sống được, chị không yêu cầu giải quyết. Nay chị yêu cầu được nuôi cháu P, không yêu cầu cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: vợ chồng tự thoả thuận không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: không có, chị không yêu cầu giải quyết. Ngày 05-5-2023 chị có đơn xin giải quyết vắng mặt. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 05-12-2022 bị đơn anh Nguyễn Văn N trình bày: anh đã nhận được thông báo thụ lý vụ án, anh không đến Toà án làm việc, đề nghị Toà án căn cứ vào quy định của pháp luật giải quyết, anh không cung cấp lời khai, cũng không ký tên vào biên bản làm việc của Toà án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Chị C có yêu cầu xin giải quyết vắng mặt có lý do; anh N đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt, nên xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội. Đề nghị Hội đồng xét xử: chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị C đối với anh Nguyễn Văn N; về con chung: 02 cháu Nguyễn Tấn L, sinh ngày 05-10-1991, Nguyễn Tấn Đ, sinh ngày 12-3-1992 đã trưởng thành tự lao động sinh sống được, nên không giải quyết. Giao cháu Nguyễn Tấn P, sinh ngày 28-11-2005 cho chị C được quyền tiếp tục nuôi dưỡng. Ghi nhận chị C không cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và về nợ chung: không đặt ra giải quyết. Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Chị C có đơn xin vắng mặt có lý do; anh N đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, vẫn vắng mặt không lý do, nên xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về hôn nhân*: Chị C và anh N tự nguyện tổ chức lễ cưới vào năm 2004, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và không còn quan hệ tình cảm với nhau từ năm 2019.

Xét thấy, do anh chị sống không phù hợp, bất đồng quan điểm, nên hay cãi vã gây gổ nhau, anh N hay rượu về la lối, chửi mắn chị C dẫn đến cuộc sống không hạnh phúc, vợ chồng sống ly thân từ năm 2019. Qua làm việc anh N không cung cấp lời khai, không tham gia các phiên hợp công khai chứng cứ, hoà giải, tức là

anh không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Chứng tỏ mâu thuẫn của anh chị đã trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không còn đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị C đối với anh N là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: có 03 cháu Nguyễn Tấn L, sinh ngày 05-10-1991, Nguyễn Tấn Đ, sinh ngày 12-3-1992 và Nguyễn Tấn P, sinh ngày 28-11-2005, hiện cháu L, cháu Đ đã trưởng thành tự lao động sinh sống được, chị không yêu cầu giải quyết. Nay chị C yêu cầu được nuôi cháu P, không yêu cầu cấp dưỡng. Anh năng không có ý kiến. Xét thấy, qua xem xét nguyện vọng của cháu P, thì cháu đang sống với mẹ và có nguyện vọng muốn sống với mẹ. Do đó chấp nhận yêu cầu của chị C, giao cháu P cho chị C nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu P và phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 Luật Hôn nhân gia đình.

[4] *Về tài sản chung*: chị C không yêu cầu, anh N không có ý kiến, nên không giải quyết.

[5] *Về nợ chung*: chị C khai không có, anh năng không có ý kiến, nên không giải quyết.

[6] *Về án phí sơ thẩm ly hôn*: chị C chịu 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147, 227, 228, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81 và 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về hôn nhân*: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị C đối với anh Nguyễn Văn N. Chị C được ly hôn với anh N.

2. *Về con chung*: giao cháu Nguyễn Tấn P, sinh ngày 28-11-2005 cho chị C được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận chị C không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Riêng 02 cháu Nguyễn Tấn L, sinh ngày 05-10-1991 và Nguyễn Tấn Đ, sinh ngày 12-3-1992 đã trưởng thành tự lao động sinh sống được, nên không giải quyết.

Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung*: chị C không yêu cầu, anh N không có ý kiến nên không giải quyết.

4. *Về nợ chung*: chị C khai không có, anh N không có ý kiến nên không giải quyết.

5. *Về án phí*: chị Phạm Thị C chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng án phí sơ thẩm ly hôn. Được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị C đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0026807 ngày 12-10-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng. Chị C nộp đủ tiền án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

"*Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự*".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- UBND xã Hưng Thuận, Trảng Bàng;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thị An